

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HS-ST

Ngày: 27-02-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương;

Thẩm phán: Ông Bùi Đăng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Tám;

2. Bà Lê Thị Hằng;

3. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2024/TLST-HS, ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Phạm Minh T, sinh năm 1994, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi thường trú: Số C khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Số I, đường N, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Minh T1 và bà Nguyễn Thị N; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/02/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2016/HSST. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt ngày 20/01/2024 theo lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, ngày 30/01/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh B theo Quyết định gia hạn tạm giam số 44 ngày 11/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo : Luật sư Ngô Thị S – Luật sư thuộc Văn phòng L – Đoàn Luật sư tỉnh B.

2. Bị cáo: Trần Hoàng Thái Q, sinh năm 2002, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi thường trú: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hoàng V và bà Nguyễn Thị Như H; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 16/7/2024, bị bắt theo quyết định truy nã. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh B theo Quyết định gia hạn tạm giam số 45 ngày 11/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1998; địa chỉ: Khu phố F, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

3.2. Ông Nguyễn S1, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố I, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

3.3. Bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố I, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

3.4. Bà Phạm Thị Ngọc T3, sinh năm 1993; địa chỉ: Số I, đường N, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Số A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 58 phút, ngày 17/01/2024, lực lượng Cảnh sát 113 Công an tỉnh B tuần tra tại khu vực trước số nhà A đường P thuộc khu phố D, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận thì phát hiện Trần Hoàng Thái Q, (sinh ngày 03/07/2002, cư trú ở khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận) có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện Q cất giấu trên người 10 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng và 02 tờ tiền giả mệnh giá 500.000

đồng.

Trần Hoàng Thái Q khai nhận đã mua tiền giả từ một thanh niên ở tỉnh Đồng Nai với giá 1.000.000 đồng tiền thật đổi được 4.000.000 đồng tiền giả. Quá trình làm việc, Q đã cung cấp số điện thoại người bán tiền giả, phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P để đấu tranh mở rộng, truy bắt đối tượng đã bán tiền giả cho Q. Đến khoảng 17 giờ 20 phút ngày 20/01/2024, tại đường số A thuộc khu phố S, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, tổ công tác thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và Chức vụ Công an thành phố P đã phát hiện, bắt giữ Phạm Minh T (sinh năm 1994, cư trú ở 3 khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai). Qua kiểm tra, tổ công tác phát hiện trên xe mô tô biển số 60B7-640.29 do T điều khiển đang cất giấu 36 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng. Tiến hành khám xét chỗ ở của T tại số I N, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện dưới nắp chân quạt đứng hiệu Senko 213.200.000 đồng tiền giả (gồm 261 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng và 322 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng). Tổng cộng số tiền giả đã thu giữ của Phạm Minh T là 231.200.000 đồng (bao gồm 261 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng, 358 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng). Phạm Minh T khai nhận tất cả số tiền thu giữ nêu trên đều là tiền giả, T cất giấu nhằm mục đích bán cho người khác để kiếm lời.

Đồ vật, tài liệu thu giữ của Trần Hoàng Thái Q, gồm: 12 tờ tiền polyme, bao gồm 10 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng và 02 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, đã bị hư hỏng, nứt vỡ

Đồ vật, tài liệu thu giữ của Phạm Minh T, gồm: 36 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng; 261 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng và 322 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max; 01 máy tính xách tay hiệu LENOVO; 01 bộ A hiệu LENOVO; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu nâu đen, biển kiểm soát 60B7-640.29; 01 giấy phép lái xe số 790158209573, mang tên Phạm Minh T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 042334, tên chủ xe Phạm Thị Ngọc T3; 01 quạt máy đứng hiệu Senko, màu xanh đen;

Kết luận giám định số 111/KL-KTHS ngày 23/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định 10 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng, 02 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng thu giữ trên người Trần Hoàng Thái Q gửi giám định là tiền giả.

Kết luận giám định số 118/KL-KTHS ngày 23/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định 36 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng thu giữ trong xe mô tô của Phạm Minh T gửi giám định là tiền giả.

Kết luận giám định số 119/KL-KTHS ngày 23/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định 261 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng, 322 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng thu giữ tại chỗ ở của Phạm Minh T gửi giám định là tiền giả.

Sau khi có kết luận giám định, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố P, tỉnh Bình Thuận đã chuyển hồ sơ, vật chứng vụ “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” đến Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh B để xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định được: Sáng ngày 15/01/2024, Trần Hoàng Thái Q sử dụng tài khoản facebook “Thái Quang” liên lạc qua ứng dụng messenger của Facebook đặt mua 4.000.000 đồng tiền giả từ một tài khoản facebook (không nhớ tên, có bài đăng với nội dung “mua bán tiền giả”) với tỷ lệ 1:4, giao dịch trực tiếp tại thành phố L, tỉnh Đồng Nai qua số điện thoại 0777.847.217. Khoảng 17-18 giờ ngày 15/01/2024, Q điều khiển xe mô tô vào Đồng Nai, khi đến khu vực gần bệnh viện L1, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, Q liên hệ số 0777.847.217 thì gặp Phạm Minh T, Q đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng (tiền thật), nhận được 4.000.000 đồng tiền giả (gồm 10 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 4 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng). Sau khi mua được tiền giả, Q đem đến phòng trọ ở khu phố F, phường P, thành phố P gặp Trần Văn T2, tên thường gọi “Nhớ, S2”, sinh năm 1998, cư trú ở khu phố C, phường P, thành phố P. Q đưa cho T2 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng nhờ đi mua đồ (thuốc lá..), T2 cầm tiền thấy giống tiền giả nên hỏi Q “sao giống tiền giả”, Q nói “Tiền giả thì đưa lại cho tao”, rồi Q lấy lại tiền và bỏ đi. Sau đó, Q đem tiền giả về cất giấu ở trong bụi cây phía trước phòng trọ của bà Nguyễn Thị Như H có địa chỉ tại phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (là mẹ ruột Q). Đến tối ngày 16/01/2024, Q cho bà H và ông Nguyễn S1 (sinh năm 1978, là người sống chung với bà H), mỗi người 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng. Còn lại 3.000.000 đồng tiền giả Q cất trong túi quần đến ngày 17/01/2024 thì phát hiện, thu giữ.

Phạm Minh T đặt mua tiền giả qua các hội, nhóm mua bán tiền giả trên mạng xã hội Facebook, liên lạc qua ứng dụng Messenger, T4. T sử dụng 50.000.000 đồng tiền thật mua được 270.000.000 đồng tiền giả của các đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch. Sau khi mua được tiền giả, Phạm Minh T mang về số I đường N, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai cất giấu dưới nắp chân quạt máy đứng hiệu Senko, màu xanh đen để bán cho người khác kiếm lời. Phạm Minh T mua nhiều sim điện thoại không đăng ký chính chủ rồi sử dụng các sim này để đăng ký nhiều tài khoản Facebook, T4. Sau đó, T vào các hội, nhóm mua bán tiền giả trên Facebook, đọc các bình luận của những người nào có nhu cầu mua tiền giả, T sẽ nhắn tin liên hệ với người có nhu cầu để bán tiền giả. Sau khi thỏa thuận, thống nhất với người mua tỷ lệ đổi tiền giả và địa chỉ

của người mua thì sẽ có hai cách giao dịch: Nếu người mua ở gần thì sẽ giao dịch trực tiếp tại khu vực Bệnh viện L1, tỉnh Đồng Nai. Nếu người mua ở xa, T sẽ giao tiền giả qua hình thức Ship Cod (giao hàng, thu tiền), cụ thể: T bỏ tiền giả vào bọc nylon, quấn băng keo lại, rồi bỏ tiền giả vào bên trong hộp mỹ phẩm (kem trộn), để tiền giả vào bên trong cho kem che phủ tiền giả để không bị phát hiện, sau đó, bỏ hộp kem vào hộp giấy, dán băng keo, tạo đơn hàng đi trên ứng dụng giao hàng nhanh (có thông tin và số điện thoại người nhận hàng), ghi mã đơn hàng trên hộp giấy, khi nhân viên giao hàng đến thì T đưa gói hàng đã chuẩn bị nêu trên cho nhân viên giao hàng. Phạm Minh T đã bán tiền giả được tổng cộng cho 08 người (giao dịch 05 lần thành công, 03 lần không thành công), thu lợi được 6.500.000 đồng tiền thật dùng để tiêu xài. Cụ thể:

Đối với giao dịch bán tiền giả qua hình thức trực tiếp (bán 03 lần, 02 lần thành công, bán 19.500.000 đồng tiền giả thu lợi được 4.000.000 đồng):

Lần 1: Ngày 15/01/2024, Phạm Minh T bán 4.000.000 đồng tiền giả cho Trần Hoàng Thái Q, tỷ lệ 1:4, thu được 1.000.000 đồng tiền thật, giao dịch trực tiếp tại khu vực bệnh viện L1, tỉnh Đồng Nai; **Lần 2:** Khoảng 02 - 03 ngày sau khi bán tiền giả lần 1, tại khu vực bệnh viện L1, tỉnh Đồng Nai, Phạm Minh T bán 15.500.000 đồng tiền giả cho một người không rõ nhân thân, lai lịch, tỷ lệ 1:5, thu được 3.000.000 đồng tiền thật; **Lần 3:** Ngày 20/01/2024, tại đường số A thuộc khu phố S, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, trên đường P đi giao 18.000.000 đồng tiền giả thì bị Công an thành phố P phát hiện, bắt giữ.

Đối với giao dịch bán tiền giả qua hình thức ship cod (bán 05 lần, 03 lần thành công, bán 22.000.000 đồng tiền giả thu lợi được 2.500.000 đồng):

- Lần 1: Khoảng tháng 01/2024, Phạm Minh T bán 4.000.000 đồng tiền giả cho Lê Văn T5; địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau, tỷ lệ 1:4, thu được 1.000.000 đồng tiền thật. Đối với Lê Văn T5 đã bị Công an tỉnh C xử lý đối với hành vi mua tiền giả của Phạm Minh T nên không xử lý trong vụ án này.

- Lần 2: Phạm Minh T bán 4.000.000 đồng tiền giả cho một người nhưng không nhớ người mua tiền giả này là ai, tên tài khoản là gì, thời gian mua bán tiền giả là khi nào, tỷ lệ 1:4, thu được 1.000.000 đồng tiền thật; T không xác định được đơn hàng đã giao dịch tiền giả.

- Lần 3: Phạm Minh T bán 2.000.000 đồng tiền giả cho một người nhưng không nhớ người mua tiền giả này là ai, tên tài khoản là gì, thời gian mua bán tiền giả là khi nào, tỷ lệ 1:4, thu được 500.000 đồng tiền thật. T không xác định được đơn hàng đã giao dịch tiền giả.

- Lần 4: Phạm Minh T bán 4.000.000 đồng tiền giả cho một người nhưng không nhớ người mua tiền giả này là ai, tên tài khoản là gì, thời gian mua bán tiền giả là khi nào, tỷ lệ 1:4, không đặt cọc tiền; Tuy nhiên sau đó, người mua trả

lại hàng, khi nhận hàng trả lại thì T không còn thấy tiền giả đã gửi. T không xác định được đơn hàng đã giao dịch tiền giả.

- Lần 5: Phạm Minh T bán 8.000.000 đồng tiền giả cho một người nhưng không nhớ người mua tiền giả này là ai, tên tài khoản là gì, thời gian mua bán tiền giả là khi nào, tỷ lệ 1:4. Tuy nhiên sau đó, người mua trả lại hàng, khi nhận hàng trả lại thì T không còn thấy tiền giả đã gửi. T không xác định được đơn hàng đã giao dịch tiền giả.

* Về xử lý vật chứng: Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh B đã trả lại cho Phạm Minh T 01 Giấy phép lái xe số 790158209573 mang tên Phạm Minh T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max; 01 máy tính xách tay hiệu LENOVO; 01 bộ A hiệu LENOVO; trả lại cho Phạm Thị Ngọc T3 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu nâu đen, biển số 60B7-640.29; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 042334, tên chủ xe Phạm Thị Ngọc T3.

Số tiền giả 234.200.000 đồng gồm 631 tờ tiền polyme, trong đó 271 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 360 tờ mệnh giá 500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, thu giữ của Trần Hoàng Thái Q; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max của Phạm Minh T; 01 quạt máy đứng hiệu Senko, màu xanh đen; Viện KSND tỉnh B chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận bảo quản chờ Tòa án xử lý.

* Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSBT-P1 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận để xét xử bị cáo Phạm Minh T về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 3 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị cáo Trần Hoàng Thái Q về tội “Lưu hành tiền giả” quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

***Tại phiên tòa:**

- Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 207, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Minh T từ 11 năm đến 12 năm tù, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”, buộc bị cáo T nộp lại 6.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 207, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Hoàng Thái Q từ 3 năm đến 4 năm tù về tội “Lưu hành tiền giả”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp tư pháp theo Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự về xử lý vật chứng.

- Người bào chữa cho bị cáo T: Thống nhất về nội dung cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Minh T vì hoàn cảnh khó khăn của bị cáo.

- Các bị cáo Phạm Minh T, Trần Hoàng Thái Q đều thừa nhận hành vi đã thực hiện như cáo trạng đã truy tố và không tranh luận với Kiểm sát viên.

- Ý kiến của bà Phạm Thị Ngọc T3, ông Nguyễn S1 và bà Nguyễn Thị Như H: Không có ý kiến gì chỉ mong xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo. Ông Trần Văn T2 không có ý kiến gì.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo Phạm Minh T: Biết việc làm của mình là sai trái, mong được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Trần Hoàng Thái Q: Hành vi của bị cáo là sai do không hiểu pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (**HĐXX**) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh B và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố theo hồ sơ đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thể hiện tại hồ sơ đều đúng pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

[3] HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Ngày 17/01/2024, lực lượng Cảnh sát 113 Công an tỉnh B tuần tra tại khu vực trước số nhà A đường P thuộc khu phố D, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận tiến hành kiểm tra hành chính, thì phát hiện bị cáo Trần Hoàng Thái Q cất giấu trên người 10 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng và 02 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng.

[3.2] Từ việc xử lý Trần Hoàng Thái Q cơ quan điều tra tiến hành đấu tranh mở rộng, truy bắt đối tượng đã bán tiền giả cho bị cáo Q. Ngày 20/01/2024 tại đường số A thuộc khu phố S, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, tổ công tác

thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và Chức vụ Công an thành phố P phát hiện trên xe mô tô biển số 60B7-640.29 do T điều khiển đang cất giấu 36 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng. Tiến hành khám xét chỗ ở của T tại số I N, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện dưới nắp chân quạt đứng hiệu Senko 213.200.000 đồng tiền giả (gồm 261 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng và 322 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng). Tổng cộng số tiền giả đã thu giữ của Phạm Minh T là 231.200.000 đồng (bao gồm 261 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng, 358 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng).

[3.3] Tại bản Kết luận giám định số 111/KL-KTHS ngày 23/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định 10 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng, 02 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng thu giữ trên người Trần Hoàng Thái Q gửi giám định là tiền giả. (bút lục số 157-160)

[3.4] Tại bản Kết luận giám định số 118/KL-KTHS ngày 23/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định 36 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng thu giữ trong xe mô tô của Phạm Minh T gửi giám định là tiền giả. (bút lục số 161-165)

[3.5] Tại bản Kết luận giám định số 119/KL-KTHS ngày 23/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định 261 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng, 322 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng thu giữ tại chỗ ở của Phạm Minh T gửi giám định là tiền giả. (bút lục số 166-171)

[4] Như vậy, các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo Trần Hoàng Thái Q mua 4.000.000 đồng tiền giả để tiêu sài đủ yếu tố cấu thành tội “*Lưu hành tiền giả*” quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của Phạm Minh T mua được 270.000.000 đồng tiền giả nhằm mục đích bán lại để kiếm lời đã cấu thành tội “*Tàng trữ, lưu hành tiền giả*” quy định tại khoản 3 Điều 207 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Hoàng Thái Q không có. Bị cáo Phạm Minh T 08 lần bán tiền giả cho người khác thu lợi số tiền 6.500.000 đồng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Minh T, Trần Hoàng Thái Q thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Hoàng Thái Q đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện hành vi phạm tội của Phạm Minh T nên Q được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự .

[7] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: HĐXX nhận thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được việc tàng trữ, lưu hành tiền giả là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì mục đích háms lợi trước mắt mà đã bất chấp lao vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nước ta về tiền tệ, gây ảnh hưởng rất lớn đến trật tự quản lý kinh tế, tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội ở địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do vậy, trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, khi lượng hình cần xử phạt các bị cáo một mức án tù nghiêm nhằm răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Về hình phạt tiền, bị cáo T có hoàn cảnh kinh tế bản thân rất khó khăn, bị buộc nộp lại thu nhập bất chính, bị tịch thu điện thoại nên HĐXX không cần thiết phải áp dụng bổ sung hình phạt tiền.

[8] Về số tiền thu lợi bất chính 6.500.000 đồng của bị cáo Phạm Minh T cần phải buộc bị cáo nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về việc Cơ quan an ninh điều tra không xử lý hình sự đối với bà Phạm Thị Ngọc T3, bà Đặng Thị Kim P, ông Trần Văn T2, ông Nguyễn S1, bà Nguyễn Thị Như H là có căn cứ. Đối với Lò Văn P1, Phạm Văn K, Nguyễn Thanh B là những người chủ tài khoản có giao dịch chuyển, nhận tiền với Phạm Minh T; hiện nay những người này không có mặt ở địa phương. Cơ quan An ninh điều tra đã tách hành vi để tiếp tục xác minh, xử lý sau là có cơ sở. Về ông Lê Văn T5 đã bị Công an tỉnh C xử lý đối với hành vi mua tiền giả của Phạm Minh T nên không xử lý trong vụ án này nên HĐXX không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Số tiền giả 234.200.000 đồng gồm 631 tờ tiền polyme, trong đó 271 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 360 tờ mệnh giá 500.000 đồng là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, thu giữ của Trần Hoàng Thái Q không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max của Phạm Minh T; 01 quạt máy đứng hiệu Senko, màu xanh đen là công cụ phương tiện dùng vào việc mua bán tiền giả nên phải tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 207, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Minh T phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh T 12 năm tù (mười hai năm tù), thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 20/01/2024 .

2. Căn cứ khoản 1 Điều 207, Điều 38, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Hoàng Thái Q phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Hoàng Thái Q 03 năm tù (ba năm tù), thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 16/7/2024.

3. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Phạm Minh T nộp lại 6.500.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 631 tờ tiền polyme, trong đó 271 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 360 tờ mệnh giá 500.000 đồng trong đó: 12 tờ tiền giả bao gồm 10 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng và 02 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng của Trần Thái Hoàng Q1, được niêm phong trong 01 phong bì bằng giấy, có chữ ký của ông Hoàng Hải C và hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ huật hình sự - Công an tỉnh B; 36 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng của Phạm Minh T được niêm phong trong 01 phong bì bằng giấy số 118, có chữ ký của ông Hoàng Hải C và hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ huật hình sự - Công an tỉnh B; 261 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng và 322 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng của Phạm Minh T được niêm phong trong 01 hộp giấy, có chữ ký của ông Hoàng Hải C và hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ huật hình sự - Công an tỉnh B;

- Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động Iphone màu đen, đã bị hư hỏng, nứt vỡ của Trần Hoàng Thái Q được niêm phong trong 01 phong bì bằng giấy, có chữ ký của Nguyễn Thuận H1, Ngô Hồng S3, Huỳnh Võ Hải M, Nguyễn Văn C1, Trần Hoàng Thái Q và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố P.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max, số máy: NT6F2LL/A, số seri: GR6DJ37TKPHC của Phạm Minh T được niêm phong trong 01 phong bì bằng giấy, có chữ ký của Huỳnh Đức T6, Nguyễn Quốc B1, Ngô Thị S, Phạm Minh T và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh B.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 quạt máy đứng hiệu Senko, model: B1612 màu xanh đen thu giữ của Phạm Minh T.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/12/2024)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Phạm Minh T, bị cáo Trần Hoàng Thái Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/02/2025).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TANDCC tại TP. HCM;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Thuận;
- UBND địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công TTĐT-TANDTC;
- Lưu: Tổ HCTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Phương